

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2024/KDTM**.

Ngày: 28/02/2024

V/v “**tranh chấp HĐ mua bán hàng hóa**”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Thanh Tùng**.

2/ Ông **Nguyễn Văn Sang**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Hạnh Nhung**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Quốc**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2023/TLST-KDTM, ngày 26 tháng 10 năm 2023. Về tranh chấp “**Hợp đồng mua bán hàng hóa**”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST, ngày 06 tháng 02 năm 2024. Giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: **Công ty TNHH S Đ**

Trụ sở: ấp P T, xã T P Đ, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện pháp luật: Ông **Nguyễn Bửu T**, sinh năm 1976 – Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Giang, sinh năm 1968 (Hợp đồng ủy quyền ngày 16/8/2023, BL 14 -17)

Địa chỉ: Số 428, đường N T M K, Tổ 9, khóm 1, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

2/ Bị đơn: **Công ty TNHH MTV TM DV Vận tải M M P**

Trụ sở: 191A, khu vực P L, phường T P, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. (BL 22-23)

Đại diện pháp luật: Ông **Đặng Minh C**, sinh năm 1975 – Giám đốc

Địa chỉ: số 31, KDC Metro, KV. 5, phường H L, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (BL 22-23). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 11/8/2023 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn Công ty TNHH S Đ trình bày:

Công ty TNHH S Đ và Công ty TNHH MTV TM DV Vận tải M M P có ký Hợp đồng nguyên tắc số 005/2021/VLA-PHN ngày 01/01/2021, với thời hạn từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2021 (BL 58-59).

Thực hiện Hợp đồng nguyên tắc số 005/2021/VLA-PHN ngày 01/01/2021, Công ty TNHH S Đ (“Công ty S Đ”) đã cung cấp (bán) lốp ô tô các loại cho Công ty TNHH MTV TM DV Vận tải M M P (“Cty M M P”) với số lượng từng hóa đơn cụ thể như sau:

+ Ngày **05/02/2021**, Công ty S Đ đã cung cấp (bán) cho Cty M M P loại Lốp TZ-11R22.5 AS668 (SL 24 cái x đơn giá 4.363.636,360 đồng = 104.727.273 đồng + 10% thuế giá trị gia tăng 10.472.727 đồng). Hóa đơn ngày 05/02/2021 tổng tiền phải thanh toán là: 115.200.000 đồng.

+ Ngày **09/02/2021**, Công ty S Đ đã cung cấp (bán) cho Cty M M P loại lốp:

1. Lốp TZ-11.00R20 CM958 (SL 12 bộ x đơn giá 5.363.636,360 đồng) = 64.363.636 đồng.

2. Lốp SL-11.00R20 18PR 152/149K S828 Sailun (SL 12 bộ x đơn giá 5.181.818,180 đồng) = 62.181.818 đồng.

Hóa đơn ngày 09/02/2021 tổng tiền phải thanh toán là: 139.200.000 đồng.

+ Ngày **10/03/2021**, Công ty S Đ đã cung cấp (bán) cho Cty M M P loại lốp SL-11.00R20 18PR 152/149K S828 Sailun (SL 12 bộ x đơn giá 5.181.818,180 đồng = 62.181.818 đồng + 10% thuế giá trị gia tăng 6.218.182 đồng). Hóa đơn ngày 10/03/2021 tổng tiền phải thanh toán là: 68.400.000 đồng.

+ Ngày **16/03/2021**, Công ty S Đ đã cung cấp (bán) cho Cty M M P loại lốp SL-11.00R20 18PR 152/149K S828 Sailun (SL 12 bộ x đơn giá 5.181.818,180 đồng = 62.181.818 đồng + 10% thuế giá trị gia tăng 6.218.182 đồng). Hóa đơn ngày 16/03/2021 tổng tiền phải thanh toán là: 68.400.000 đồng.

+ Ngày **20/03/2021**, Công ty S Đ đã cung cấp (bán) cho Cty M M P loại Lốp SL-11.00R20 18PR 152/149K S828 Sailun (SL 20 bộ x đơn giá 5.181.818,180 đồng = 103.636.364 đồng + 10% thuế giá trị gia tăng 10.363.636 đồng). Hóa đơn ngày 20/03/2021 tổng tiền phải thanh toán là: 114.000.000 đồng.

+ Ngày **06/04/2021**, Công ty S Đ đã cung cấp (bán) cho Cty M M P loại Lốp SL-11.00R20 18PR 152/149K S629 Sailun (SL 30 bộ x đơn giá 5.545.454,540 đồng = 166.363.636 đồng + 10% thuế giá trị gia tăng 16.636.364 đồng). Hóa đơn ngày 06/04/2021 tổng tiền phải thanh toán là: 183.000.000 đồng.

Tổng số tiền phải thanh toán là **688.200.000 đồng** (Sáu trăm tám mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng). Theo thỏa thuận của Hợp đồng, việc thanh toán được

thực hiện trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận hàng hóa và hóa đơn GTGT từ bên bán. Cty M M P chưa thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn mà kéo dài thời gian thanh toán. Số tiền hàng hóa còn nợ này đã được hai bên xác nhận theo Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 31/12/2021. Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ và nhắc nhở để yêu cầu thanh toán nhưng phía bị đơn luôn lẩn tránh và không thanh toán tiền hàng hóa còn nợ.

Nhận thấy, Cty M M P đã vi phạm Hợp đồng, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền hàng hóa còn thiếu là: **688.200.000 đồng** (Sáu trăm tám mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng) và tiền lãi tạm tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 01/8/2023 với mức lãi suất (tạm tính) 0,83%/tháng là: 108.529.140 đồng (BL 65-66). Tổng cộng, Công ty TNHH MTV TM DV Vận tải M M P có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn với tổng số tiền tạm tính là: **796.729.140 đồng** (Bảy trăm chín mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, một trăm bốn mươi đồng) và yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu lãi cho đến khi thanh toán hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn **Công ty TNHH MTV TM DV Vận tải M M P** cố tình vắng mặt không đến. Sau khi tiến hành các thủ tục cần thiết, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn phải trả số tiền hàng hóa còn nợ là **688.200.000 đồng** (Sáu trăm tám mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng); và yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thanh toán tính từ sau ngày xác nhận công nợ 01/01/2022 đến ngày xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng theo BLDS chứ không yêu cầu tính theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường. Trong giai đoạn thi hành án nếu bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền thì vẫn tiếp tục yêu cầu trả lãi chậm thanh toán với mức lãi suất như trên.

Bị đơn **Công ty TNHH MTV TM DV Vận tải M M P** vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: là phù hợp quy định pháp luật, không phát hiện vi phạm.

- **Về nội dung giải quyết vụ án:** Căn cứ vào lời trình bày tại phiên tòa hôm nay của phía nguyên đơn và các chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua hàng hóa còn nợ là **688.200.000 đồng** (Sáu trăm tám mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán, kể cả lãi chậm thanh toán trong giai đoạn thi hành án theo yêu cầu của nguyên đơn. Nội dung cụ thể trình bày theo bài phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Việc thỏa mua bán hàng hóa giữa các đương sự được lập văn bản thể hiện bằng Hợp đồng nguyên tắc số 005/2021/VLA-PHN ngày 01/01/2021 (BL 58-59). Nguyên đơn đã thực hiện việc bán và giao hàng hóa theo thỏa thuận. Bị đơn đã nhận hàng nhưng không thực hiện đúng thỏa thuận thanh toán tiền mua hàng hóa cho nguyên đơn. Và đến ngày 31/12/2021 hai bên cũng đã đối chiếu xác nhận công nợ, theo đó thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền **688.200.000 đồng** (Sáu trăm tám mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng) (BL 142). Do các bên không thực hiện đúng nghĩa vụ đã thỏa thuận nên xảy ra tranh chấp; cả hai bên đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Nên đây là quan hệ tranh chấp kinh doanh, thương mại về “Hợp đồng mua bán hàng hóa” được ngành Luật thương mại và Luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khi các đương sự có yêu cầu theo qui định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn luôn vắng mặt. Song căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, cụ thể là **Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 31/12/2021 (BL 142 - bản gốc)** do nguyên đơn cung cấp, có chữ ký và đóng dấu của cả hai bên. Theo đó thì **Công ty TNHH MTV TM DV Vận tải M M P** do ông Đặng Minh Cường đại diện còn nợ lại **Công ty TNHH S Đ** số tiền mua lốp xe các loại là **688.200.000 đồng** (Sáu trăm tám mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng).

[3] Bị đơn đã được nhận hàng nhưng lại không chịu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận của hợp đồng, cố tình né tránh nghĩa vụ trả nợ. Theo xác nhận của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch đầu tư TP Cần Thơ thì công ty vẫn chưa đăng ký thay đổi hoạt động tại địa chỉ 191A, khu vực Phú Lợi, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ (BL 22-23); nhưng xác minh của Công an phường Tân Phú thì Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ trên từ tháng 04/2023 (BL 29); đại diện bị đơn Đặng Minh Cường không sinh sống tại địa chỉ số 31, KDC Metro, KV. 5, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, bán nhà năm 2015 (BL 28) không thông báo với địa phương cũng như không thông báo cho bên bán biết.

[4] Tại các địa chỉ này, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ. Thậm chí nguyên đơn đã thực hiện việc Thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng (BL 34-39) nhưng bị đơn vẫn không liên hệ giải quyết vụ kiện, thái độ xem thường pháp luật. Coi như phía bị đơn đã tự tước bỏ quyền tham gia tố tụng của mình và mặc nhiên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của phía nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền nợ mua hàng hóa **688.200.000 đồng** (Sáu trăm

tám mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng) là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận theo qui định tại Điều 50, Điều 55 Luật thương mại và Điều 440 Bộ luật dân sự.

[5] Về lãi suất do chậm thanh toán: Theo qui định tại Điều 306 Luật thương mại thì lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán được tính theo Lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường. Căn cứ vào **Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 31/12/2021** thì lần sau cùng xuất hóa đơn hàng hóa là **06/4/2021**; tại Điều 3 của Hợp đồng nguyên tắc số 005/2021/VLA-PHN ngày 01/01/2021 có thỏa thuận “việc thanh toán được thực hiện trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận hàng hóa và hóa đơn GTGT từ bên bán”. Như vậy nghĩa vụ thanh toán của bị đơn được xác định là ngày 06/6/2021 nên lãi suất do chậm thanh toán cũng được tính từ ngày này. Tuy nhiên, tại tòa hôm nay đại diện nguyên đơn vẫn xác định yêu cầu tính lãi chậm thanh toán tính từ ngày **01/01/2022** (tức sau ngày xác nhận công nợ) là có lợi cho bị đơn nên yêu cầu về lãi của nguyên đơn theo số nợ gốc và thời gian tính lãi do chậm thanh toán là có cơ sở chấp nhận.

[6] Ngoài ra, lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là mức lãi suất quá hạn trung bình của ít nhất ba ngân hàng tại địa phương (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam...) và tại thời điểm thanh toán để tính tiền lãi do chậm thanh toán theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng đại diện nguyên đơn cũng tự nguyện xác định chỉ yêu cầu mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 0,83%/tháng (theo qui định BLDS). Mức lãi suất này là thấp hơn qui định của Luật thương mại, có lợi cho bị đơn nên được HĐXX chấp nhận, cụ thể như sau:

Thời gian chậm trả từ ngày 01/01/2022 đến nay 28/02/2024 là: 25 tháng 27 ngày.

Lãi suất phải chịu là: 688.200.000 đồng x 25 tháng 27 ngày x 0,83%/tháng = **147.942.354 đồng** (Một trăm bốn mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi tư đồng).

[7] Tuy nhiên trong giai đoạn thi hành án nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, đại diện nguyên đơn cũng tự nguyện xác định chỉ yêu cầu mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 0,83%/tháng. Đây là tự nguyện thỏa thuận của đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận. Cho nên trong giai đoạn thi hành án nếu phía bị đơn chậm trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thanh toán 0,83%/tháng tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[8] Thời hạn và phương thức trả nợ thuộc thẩm quyền của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh.

[9] Về chi phí thông báo nhắc tin tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng: Số tiền là 3.024.000 đồng (Hóa đơn GTGT số 197 ngày 18/12/2023 và số 361 ngày 05/12/2023) do nguyên đơn đã tạm ứng nên bị đơn có nghĩa vụ liên đới hoàn lại cho nguyên đơn trong giai đoạn thi hành án.

[10] Bị đơn phải chịu án phí trên phần nghĩa vụ phải thực hiện 688.200.000 đồng + 147.942.354 đồng = 836.142.354 đồng. Nên án phí là 36.000.000 đồng + 3% (836.142.354 đồng – 800.000.000 đồng) = **37.084.270 đồng** (Ba mươi bảy triệu, không trăm tám mươi tư nghìn, hai trăm bảy mươi đồng).

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 30, 35, 39, 147, **227, 228**, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 24, 50, 55 và 306 Luật thương mại;
- Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S Đ. Buộc bị đơn **Công ty TNHH MTV TM DV Vận tải M M P** do ông Đặng Minh Cường đại diện có nghĩa vụ thanh toán cho **Công ty TNHH S Đ** số tiền nợ mua hàng hóa là **688.200.000 đồng** (Sáu trăm tám mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán là **147.942.354 đồng** (Một trăm bốn mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi tư đồng). Tổng cộng bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền là **836.142.354 đồng** (Tám trăm ba mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi tư đồng) khi án có hiệu lực.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ chậm thi hành thì phải chịu lãi suất chậm trả là 0,83%/tháng tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

2/ Về chi phí thông báo nhắc tin tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng: bị đơn Công ty TNHH MTV TM DV Vận tải M M P do ông Đặng Minh Cường đại diện có nghĩa vụ hoàn lại số tiền 3.024.000 đồng (Ba triệu, không trăm hai mươi bốn nghìn đồng) cho nguyên đơn Công ty TNHH S Đ trong giai đoạn thi hành án.

3/ Nguyên đơn **Công ty TNHH S Đ** được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp **17.935.000 đồng** (Mười bảy triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000293 ngày 23/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn **Công ty TNHH MTV TM DV Vận tải M M P** do ông Đặng Minh Cường đại diện phải chịu **37.084.270 đồng** (Ba mươi bảy triệu, không trăm tám mươi tư nghìn, hai trăm bảy mươi đồng) án phí KDTM sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với **Công ty TNHH S Đ**; kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết theo qui định đối với **Công ty TNHH MTV TM DV Vận tải M M P** do ông Đặng Minh Cường đại diện thì các đương sự được quyền kháng cáo để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND Q.Cái Răng.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGT.
- Lưu HS – BA.

Thái Mỹ Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Mỹ Nhung

